TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày 14-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn Q, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1991, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Phạm Thị C1; bị cáo có vợ là Ôn Thị Nguyệt M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2- Phạm Văn D, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1988, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 6, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị N2; bị cáo có vợ là Phạm Thị D2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3- Phạm Đình T, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1996, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị Q1; bị cáo có chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4- Đoàn Văn T1, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1978, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 3, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn M1 và bà Vũ Thị K; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5- Nguyễn Văn H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1980, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Phạm Thị Q2; bị cáo có vợ là Bùi Thị M2 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6- Bùi Văn H1, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1979, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H2 và bà Nguyễn Thị N3; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Hải H3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7- Phạm Đình C, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1991, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q3 và bà Hoàng Thị N4; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H4 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8- Bùi Đức T2, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1983, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T5 và bà Nguyễn Thị D3; bị cáo có vợ là Phạm Thị N5 và có 02

con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-7-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9- Phạm Văn L, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1992, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N6 và bà Bùi Thị N7; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H5 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12-4-2023 đến ngày 17-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10- Phạm Văn T3, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1969, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị H6; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T6 và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-7-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Ông Phạm Văn N, ông Phạm Văn N1, anh Bùi Văn Đ đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 45 phút ngày 09-4-2023, tổ công tác Công an huyện Vĩnh Bảo bắt quả tang tại nhà ông Bùi Văn N8, ở thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng các đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Nguyễn Văn H, Phạm Đình C, Bùi Văn H1. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.200.000 đồng, 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quân vị. Trong quá trình bắt giữ Phạm Văn L lợi dụng sơ H1 bỏ trốn khỏi hiện trường. Bùi Đức T2 và Phạm Văn T3 không thừa nhận hành vi đánh bạc cùng các đối tượng khác. Ngày 12-4-2023 Phạm Văn L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo đầu thú và giao nộp số tiền 300.000 đồng là tiền L dùng để đánh bạc đã mang theo lúc bỏ chạy. Ngày 17-7-2023 Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyệnVĩnh Bảo đầu thú và giao nộp số tiền 500.000 đồng (Toàn nộp 300.000 đồng, Tần nộp 200.000 đồng) là tiền các đối tượng dùng để đánh bạc cùng các đối tượng khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 09 giờ ngày 09-4-2023, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Phạm Văn D, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2 và Phạm Văn T3 đến nhà ông Bùi Văn Đ, ở thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo để ăn cỗ

đám cưới. Đến khoảng 12 giờ 14 phút cùng ngày thì các bị cáo có sang nhà ông Bùi Văn N8 bên cạnh đám cưới để ngồi chơi, uống nước. Lúc này, bị cáo Q thấy trên chiếu tại nền nhà có 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân vị dùng để đánh xóc đĩa nên Quanh cầm lên xóc chơi thì Phạm Văn D, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 lần lượt ngồi xuống xem và cùng nhau chơi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, bị cáo Quanh là người xóc cái. Các bị cáo đánh bạc đến lúc 12 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ tang vật như trên. Cách thức các bị cáo chơi đánh bạc cụ thể như sau: Người xóc cái sử dụng 4 quân vị có 2 mặt khác nhau, cho 4 quân vị đặt lên mặt đĩa, úp bát lên đĩa, xóc vài cái rồi đặt xuống. Người chơi sẽ đặt tiền vào cửa chẵn hoặc lẻ. Sau đó người xóc cái mở bát ra, nếu kết quả xóc cái 2 quân vị hoặc 4 quân vị có mặt giống nhau thì gọi là chẵn, người đặt cửa chẵn thắng; nếu 1 quân vị hoặc 3 quân vị có mặt giống nhau thì gọi là lẻ, người đặt cửa lẻ thắng; người thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt; nếu thua mất số tiền đã đặt; tỷ lệ đặt cược thấp nhất trong từng ván chơi là 10.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Người xóc cái sẽ trả tiền cho bên đặt cửa thắng và thu tiền của bên đặt cửa thua. Bản thân từng bị cáo khai nhận: Nguyễn Văn Q trước khi đánh bạc đã cho H1 500.000 đồng và dùng 3.000.000 đồng để đánh bạc, Quanh thua 500.000 đồng, số tiền còn lại trên chiếu là 2.500.000 đồng; Phạm Văn D trước khi đánh bạc đã cho H1 300.000 đồng, cho T2 400.000 đồng và dùng 2.100.000 đồng để đánh bạc, D thua 600.000 đồng, số tiền còn lại trên chiếu là 1.500.000 đồng; Đoàn Văn T1 dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc, T1 không thắng, không thua, số tiền còn lại trên chiếu là 1.500.000 đồng; Bùi Văn H1 dùng 800.000 đồng để đánh bạc, H1 thua 800.000 đồng; Phạm Đình C dùng 500.000 đồng để đánh bạc, C không thắng, không thua, số tiền còn lại trên chiếu là 500.000 đồng; Phạm Đình T dùng 2.200.000 đồng để đánh bạc, T thua 600.000 đồng, số tiền còn lại trên chiếu là 1.600.000 đồng; Nguyễn Văn H dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc, H thua 900.000 đồng, số tiền còn lại trên chiếu là 600.000 đồng; Bùi Đức T2 dùng 300.000 đồng để đánh bạc; T2 không thắng, không thua; Phạm Văn T3 dùng 200.000 đồng để đánh bạc, T3 không thắng, không thua; Phạm Văn L dùng 300.000 đồng để đánh bạc, L không thắng, không thua. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang, T2 và T3 đã ném tiền của mình xuống gầm sập nhà ông N8 còn L sợ và bỏ chạy cầm theo 300.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và số tiền các bị cáo giao nộp chứng minh được dùng vào việc đánh bạc là 9.000.000 đồng.

Cáo trạng số 47/QĐ-VKS ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Phạm Văn D, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Phạm Văn D, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; bị cáo Phạm Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sư đối với các bị cáo Phạm Đình T, Nguyễn Văn H, Đoàn Văn T1, Bùi Văn H1, Phạm Đình C, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Văn T1, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3) đề nghị xử phạt: Các bị cáo Phạm Đình T, Nguyễn Văn H, Đoàn Văn T1 mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho các T, H, T1 mỗi bị cáo 8 ngày tạm giữ bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, các bị cáo T, H, T1 còn phải chấp hành hình phạt từ 14 tháng 6 ngày đến 17 tháng 6 ngày cải tạo không giam giữ. Đề nghị xử phạt các bị cáo Bùi Văn H1, Phạm Đình C, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho các bị cáo Bùi Văn H1, Phạm Đình C mỗi bị cáo 08 ngày tạm giữ bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, các bị cáo Bùi Văn H1, Phạm Đình C còn phải chấp hành hình phạt từ 11 tháng 06 ngày đến 14 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo Phạm Văn L 05 ngày tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo Phạm Văn L còn phải chấp hành từ 11 tháng 15 ngày đến 14 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo và buộc các bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 321 Bộ luật Hình sự đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng; tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 chiếc chiếu. Về án phí: Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Phạm Văn D, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, tang vật vụ án đã thu giữ, thể hiện nội dung: Khoảng 12 giờ 14 phút ngày 09-4-2023, tại nhà ông Bùi Văn N8 ở thôn 4, xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 cùng nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị Công an huyện Vĩnh Bảo bắt quả tang. Số tiền thu được trên chiếu bạc và số tiền các bị cáo giao nộp chứng minh được dùng vào việc đánh bạc là 9.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Xét đây là một vụ án đồng phạm nên cần đánh giá hành vi, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với mỗi bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Văn Q là người xóc cái, đồng thời là người dùng nhiều tiền nhất 3.000.000 đồng để đánh bạc nên đánh giá bị cáo Q xếp vai trò đầu vụ. Bị cáo Phạm Văn D dùng 2.100.000 đồng để đánh bạc và cho bị cáo H1 300.000 đồng, cho bị cáo T2 400.000 đồng, H1 và T2 đã dùng số tiền này vào việc đánh bạc, nên cần đánh giá bị cáo D xếp vai trò thứ hai. Đối với các bị cáo còn lại cần phân hóa vai trò dựa trên số tiền đánh bạc, theo đó số tiền từng bị cáo dùng vào việc đánh bạc theo thứ tự giảm dần như sau: Phạm Đình T dùng 2.200.000 đồng để đánh bạc; Đoàn Văn T1 dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Văn H dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc; Bùi Văn H1 dùng 800.000 đồng để đánh bạc; Phạm Đình C dùng 500.000 đồng để đánh bạc; Bùi Đức T2 dùng 300.000 đồng để đánh bạc; Phạm Văn L dùng 300.000 đồng để đánh bạc; Phạm Văn T3 dùng 200.000 đồng để đánh bạc.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Đức T2, Phạm Văn T3, Phạm Văn L ra đầu thu trước pháp luật, bị cáo Đoàn Văn T1 có mẹ đẻ là người có công với cách mạng nên các bị cáo T2, T3, Lg, T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

[8] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá vai trò, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Nguyễn Văn Q và bị cáo Phạm Văn D tuy là người giữ vai trò thứ nhất và thứ hai trong vụ án nhưng 02 bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho hai bị cáo này được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đảm bảo tính nghiêm minh và giáo dục pháp luật. Đối với các bị cáo Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 đều giữ vai trò thứ yếu, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo này được giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên, cần áp dụng khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo này phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian các bị cáo này đã bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt.

[9] Về hình phạt bổ sung và các biện pháp tư pháp: Theo Biên bản xác minh tại địa phương cho thấy các bị cáo đều làm công việc tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, do đó căn cứ Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 9.000.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, đối với 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quân vị, 01 chiếc chiếu xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Trong vụ án: Đối với gia đình ông Bùi Văn N8 quá trình điều tra xác định việc các đối tượng đánh bạc tại nhà ông Năng là do các đối tượng từ đám cưới sang và tự ý đánh bạc, không hỏi ý kiến gia đình ông N8. Bản thân ông Bùi Văn N8 say rượu ngủ tại nhà dưới, bà Vũ Thị Đ1 là vợ ông N8 và anh Bùi Minh T7 là con trai của ông N8 thì sang đám cưới dọn dẹp hộ nhà đám, không ai có mặt tại nhà nên không biết việc các đối tượng trên đánh bạc, không được hưởng lợi ích gì từ việc các đối tượng trên đánh bạc tại nhà. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý đối với ông Bùi Văn N8, bà Vũ Thị Đ1, anh Bùi Minh T7 là đúng quy định của pháp luật. Đối với ông Phạm Văn N có mặt tại nơi đánh bạc khi lực lượng chức năng đến bắt giữ nhưng chỉ đến nhà ông Năng để tìm con trai là Phạm Đình T, bản thân ông N không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý đối với ông Phạm Văn N là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án và phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Bị cáo Phạm Văn D 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Bùi Văn H1, Phạm Đình C, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Văn T1, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3), xử phạt:

Bị cáo Đoàn Văn T1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ 08 ngày (từ ngày 09 tháng 4 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đoàn Văn T1 còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Đình T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ 08 ngày (từ ngày 09 tháng 4 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Phạm Đình T còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ 08 ngày (từ ngày 09 tháng 4 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị

cáo Nguyễn Văn H còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn H1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ 08 ngày (từ ngày 09 tháng 4 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Bùi Văn H1 còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 (mười bốn) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Đình C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ 08 ngày (từ ngày 09 tháng 4 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Phạm Đình C còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 (mười bốn) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Đức T2 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ 05 ngày (từ ngày 12 tháng 4 năm 2023 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Phạm Văn L còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 (mười bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T3 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GB, nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Bùi Văn H1, Nguyễn Văn H, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã GB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục và phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Bùi Văn H1, Nguyễn Văn H, Bùi Đức T2, Phạm Văn L, Phạm Văn T3 trong thời gian chấp hành án.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng); tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bát đĩa và 04 quân vị, 01 (một) chiếc chiếu.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng có đặc điểm theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 31 tháng 8 năm 2023, phiếu ủy nhiệm chi ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn D, Đoàn Văn T1, Phạm Đình T, Phạm Đình C, Nguyễn Văn H, Phạm Văn L, Bùi Văn H1, Bùi Đức T2, Phạm Văn T3 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PC10, PV06 CATP;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- CQĐT Công an huyện Vĩnh Bảo;
- CQ THAHS Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS H. Vĩnh Bảo;
- UBND xã GB;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt